

Bản án số: 195/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29 – 4 – 2021

“V/v ly hôn giữa
anh D và chị Q”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PH T, TỈNH AG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị K Ph

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn T
2. Bà Nguyễn Thị K Ch

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Nguyễn Thị Nh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ph T, tỉnh AG.

Ngày 29 tháng 4 năm 2021 tại Tòa án nhân dân huyện Ph T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 122/2021/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2021 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2021/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: anh Võ Văn D, sinh năm 1974 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: tổ 04, ấp Hiệp Thuận (ấp Hiệp Hòa cũ), xã Hiệp Xương, huyện Ph T, tỉnh AG.

2. Bị đơn: chị Lữ Thị Ngọc Q, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Địa chỉ: tổ 04, ấp Hiệp Thuận (ấp Hiệp Hòa cũ), xã Hiệp Xương, huyện Ph T, tỉnh AG.

Chỗ ở hiện tại: tổ 11, ấp Bình Tây 2, xã Bình Thạnh Đông, huyện Ph T, tỉnh AG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 04 tháng 3 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là anh Võ Văn D trình bày:

1. Quan hệ hôn nhân: Sau thời gian tìm hiểu về tình cảm, năm 2008 anh và chị Lữ Thị Ngọc Q đồng ý kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hiệp Xương, huyện Ph T, tỉnh AG, Giấy chứng nhận kết hôn số 11 ngày 05- 3- 2008. Vợ chồng sống hạnh phúc, đến tháng 8 năm 2020 phát sinh mâu thuẫn do chị Q ngoại tình, sống không chung thủy, anh khuyên chị Q có trở về nhà, nhưng một tuần sau chị Q về nhà cha mẹ vợ ở, từ tháng 8/2020 đến nay vợ chồng ly thân. Nay, anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Q.

2. Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên: Võ Minh Nhựt, sinh ngày 01/11/2008; Võ Minh Tiến, sinh ngày 28/3/2014, cả 02 con anh D đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn anh yêu cầu tiếp tục nuôi con, không yêu cầu chị Q cấp dưỡng cho con.

3. Về chia tài sản và nợ chung: không có.

Ngày 18/3/2021 anh D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn là chị Lữ Thị Ngọc Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không cung cấp lời khai và tài liệu, chứng cứ khác, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Theo anh D trình bày mâu thuẫn vợ chồng có cha mẹ vợ và anh em ruột của anh đều biết. Tại Tờ tường trình ngày 25/3/2021 của ông Lữ Hòa Hớn (cha ruột chị Q) cho biết, anh D và chị Q có mâu thuẫn, chị Q bỏ chồng con, anh D có kêu về nhưng Q không về, có gọi điện thăm con. Đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt Q và cho anh D, chị Q ly hôn. Tại Tờ tường trình ngày 20/3/2021 của chị Võ Thị Ánh Ngọc (em ruột anh D) trình bày, chị ở gần nhà và biết chị Q bỏ đi từ tháng 8/2020 đến nay, anh D có kêu về nhưng chị Q không về, chỉ gọi điện thăm con. Đề nghị Tòa án cho anh D và chị Q ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: anh Võ Văn D khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Lữ Thị Ngọc Q, Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị Q được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Theo quy định tại điểm

b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh D và chị Q.

[2] Về nội dung:

[3] Hôn nhân của anh D và chị Q là hợp pháp, vì anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Xét tình trạng hôn nhân của anh chị thấy rằng vợ chồng mâu thuẫn do chị Q ngoại tình, anh D có khuyen, nhưng chị Q không sửa đổi mà còn bỏ đi, gia đình hai bên cũng đề nghị Tòa án cho anh D và chị Q ly hôn. Cho thấy hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh D, cho ly hôn giữa anh D và chị Q.

[4] Về nuôi con chung: từ lúc ly thân đến nay anh D nuôi con có cuộc sống ổn định, cháu Nhựt và cháu Tiến đều có nguyện vọng sống với anh D. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh D được tiếp tục nuôi cháu Nhựt và cháu Tiến. Chị Q không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, nhưng anh D không yêu cầu chị Q cấp dưỡng cho con là tự nguyện của anh, nên chị Q không phải cấp dưỡng.

[5] Căn cứ khoản 3 Điều 82, Điều 83, 84, 116 Luật Hôn nhân và gia đình chị Q không trực tiếp nuôi con, chị có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

[6] Chia tài sản: không có.

[7] Về nợ chung: ghi nhận anh D xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[8] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: anh D phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83, 84, 116 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: cho ly hôn giữa anh Võ Văn D và chị Lữ Thị Ngọc Q. Giấy chứng nhận kết hôn số 11 ngày 05- 3- 2008 của Ủy ban nhân dân xã Hiệp Xương, huyện Ph T, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về nuôi con chung: giao 02 con chung tên Võ Minh Nhựt, sinh ngày 01/11/2008; Võ Minh Tiến, sinh ngày 28/3/2014 cho anh D trực tiếp nuôi, cả 02 con anh D đang nuôi dưỡng. Chị Lữ Thị Ngọc Q không phải cấp dưỡng cho con.

Chị Q không trực tiếp nuôi con, chị có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản: không có.

Về nợ chung: ghi nhận anh D xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: anh D phải chịu 300.000đ, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0001951 ngày 18/3//2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ph T, tỉnh AG.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Ph T;
- Cơ quan Thi hành án huyện;
- UBND xã Hiệp Xương;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị K Ph